

## KINH QUA TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

### PHẦN MỘT

#### D) ĐẠI CƯƠNG

Trong thời kỳ sinh tiền của Cổ Triết Gia Kim Định, Văn Minh Tây Phương đang ở giai đoạn Cực Thịnh, do đó cũng là điều dễ hiểu khi Ngài bắt đầu cuộc hành trình học hỏi của mình với nền Văn Minh và Văn Hóa Tây Phương. Ngài đã đọc rất nhiều và có một vốn liếng kiến thức rất phong phú, rộng lớn về Văn Hóa và Triết Học Tây Phương. Nhưng cuối cùng, Ngài lại tỏ ra rất thất vọng đối với nền Triết Học Cổ Điển của Tây Phương!

Tuy nhiên, điều có thể gây ngạc nhiên vào thời kỳ này, là trong khi ở hạ tầng Kinh Tế và trung tầng Chính Trị, giới Trí Thức ở các nước thuộc địa và nhược tiểu đang bị ‘chói mắt’ trước sự huy hoàng của nền Văn Minh Tây Phương, thì ở thượng tầng Triết Học, ngay sau hai cuộc Thế Chiến và một loạt các cuộc chiến tranh Thuộc Địa, người ta đã bắt đầu đặt lại vấn đề cũng như bàn cãi nhiều về cuộc Khủng Hoảng của Văn Minh, Văn Hóa Tây Phương!

Đó là lý do chính yếu khiến Cổ Triết Gia, trong công việc nghiên cứu, đã ‘chĩa mũi dùi’ vào nền Văn Hóa Tây Phương Cận Đại mà công việc quan trọng nhất của các Lý Thuyết gia Cận Đại, từ Triết Học cho đến các khoa học Nhân Văn lẫn Vật Lý, là ‘Hạ Bệ’ toàn thể các Nguyên Lý, Định Đề của nền Văn Hóa, Triết Học Cổ Truyền của Tây Phương, đã trở thành LỖI THỜI trước các khám phá mới nhất của Khoa Học hiện đại!

Thật vậy, Cổ Triết Gia đã nghiên cứu một cách thấu đáo các Triết Gia hàng đầu của Tây Phương trong thời gian Cận Đại như F.Nietzsche, K.Jaspers, M.Heidegger...., các trào lưu văn hóa mới mẻ nhất như Hiện Sinh, Hiện Tượng Luận..... trong Triết Học, Cơ Cấu Luận trong Nhân Chủng học với C. Lévi-Strauss, hay G. Gurvitch trong Xã Hội học, S.Freud, A. Adler rồi E. Fromm, H.Benoit..... trong Phân Tâm học, nhất là C. Jung trong khoa Tâm

Lý Miền Sâu, kể cả các lý thuyết Tương Đối và Lượng Tử mà Ngài đã ‘đề tâm’ theo dõi từ rất lâu trước, qua từng giai đoạn khám phá khác nhau của ngành khoa học Vật Lý.....vvv.....

Về Triết Học Tây Phương, nên nhớ Socrates là người sáng lập ra nền Triết Học Cổ Điển Tây Phương và Plato được xưng tụng là ‘Triết Gia Thượng Thặng’ (le Philosophe par Excellence) trên gần 25 thế kỷ của Lịch Sử Triết Học Tây Phương, cho đến khi Nietzsche xuất hiện.

## **I) TRIẾT LÝ ĐỐI VẬT**

### **A) SOCRATES**

‘Nietzsche cho rằng hồn sâu xa của Hy Lạp chịu ảnh hưởng của Đông Phương huyền bí nên cũng có một dòng huyền niệm đi liền với một dòng tư duy sáng sủa. Huyền niệm được tượng trưng bằng thần Dionysos, còn tư duy sáng sủa bằng thần Apollon. Theo Nietzsche, cái hồn ấy đã bị Socrates bóp chết bằng việc tuyên dương lý trí một cách quá đáng, lấy ý thức sáng sủa minh nhiên mà xua đuổi năng lực ẩn tàng, do đó cũng xua đuổi luôn cả bi kịch, tức cả thơ cả nhạc, và toàn bộ nghệ thuật. Socrates chỉ biết phê bình mà không hề kiến thiết và ông thiếu hẳn óc huyền niệm, bởi năng khiếu biện lý đã được vun tưới đến mức phát phì nên ông đã cắt đứt với dòng Truyền Thống Tâm Linh của Nhân Loại’. (2)

### **B) PLATO VÀ ARISTOTLE**

Đến Plato là người đã tách rời thế giới Khả Giác (le monde Sensible) ra khỏi thế giới Lý Niệm (le monde des Idées), và đã coi khinh thế giới khả giác, cũng gọi là Trần Giới, đề đề cao Lý Giới, bắt trần giới phải căn cứ vào lý giới để tìm lý do tồn tại và tiêu chuẩn giá trị. Hậu quả là con người ‘bằng xương bằng thịt’ phải tuân theo những dạng thức đặt bên ngoài thế giới, mà không được đếm kể gì đến những nhu yếu về xác thân, tình cảm, tâm tư.(3) Cũng như trên thực tế là sự hiện hữu trên mấy ngàn năm của một xã hội Ngụy Tạo ĐẠO ĐỨC GIẢ có cơ kéo dài cho đến tận hôm nay!

Còn sang đến Aristotle thì Triết Học được xem là ‘một khoa học hiển minh và chắc chắn về những sự vật, biết cho tới tận những lý lẽ,

những căn nguyên sâu xa nhất'. Đó là câu định nghĩa nền móng đã chi phối triết học Lý Niệm từ hơn hai ngàn năm nay. Cố Triết Gia Kim Định nhận xét rằng 'ít khi người ta gặp một câu nói vắn tắt mà lại chứa đựng nhiều điều lầm lạc như vậy'!

Lý do theo Cố Triết Gia, 'là Triết mà lấy SỰ VẬT làm trung tâm Suy Tư, và vì Triết Học là khoa nền móng mà đã khởi đầu từ Sự Vật thì tất cả sau này hết mọi vấn đề đều phải khuôn theo phạm trù của Sự Vật, kể cả khi bàn đến những vấn đề rất tinh tế như Thượng Đế, Linh Hồn, Sự Sống.....vvv.....thấy đều mang sắc thái SỰ VẬT. Nói đúng hơn đuổi theo BÓNG Sự Vật, nghĩa là còn bên dưới khoa học THỰC NGHIỆM'. Cuối cùng, Triết Học 'giản lược con người thành một quặng kim khí phải tuân theo mọi phạm trù và luật tắc chung của SỰ VẬT, thiếu mất hẳn tính chất âm u linh động tư riêng của CON NGƯỜI'.(4)

Ngoài ra, Siêu Hình triết Cổ Điển là Hữu Thể học (Ontology) nên toàn thể triết học cổ điển đều xây trên quan niệm Hữu Thể. Riêng Plato đã hiểu Hữu Thể như là Ý NIỆM (Eidos) làm nên YẾU TÍNH (Essence) vĩnh cửu và bất biến.

Aristotle phê bình Plato là đã đặt Triết trên Trời, nên ông kéo Triết xuống Trần Gian, qua đó, Aristotle đã đổi Yếu Tính (Essence) của Plato thành BẢN THỂ (Substance) mà ông cho nằm ngay trong Sự Vật như là MÔ THỂ (Forme) của sự vật.

Thế nhưng cuối cùng Bản Thể của Aristotle cũng giống như Ý Niệm của Plato cũng im lìm vĩnh cửu và hạ giá những gì Biến Dịch mà ông gọi là Tùý Thể (accident). Cũng còn gọi là Thuộc Tính (predicament). Chỉ khác ở chỗ nó là Cá Thể, hay là Bản Thể biệt lập (Substance), theo nguyên nghĩa là nằm dưới các tùý thể biến động.

Sự sai lầm của Aristotle còn trầm trọng hơn ở chỗ lấy sự phán quyết của Lý Trí làm tòn án chân lý (locus veritatis) để quyết định đặc tính của Vật Thể và Hữu Thể theo đó, Chân Lý là sự TRÙNG HỢP giữa Sự Vật và Lý Trí. Như vậy, Tư Tưởng không còn là tư tưởng phát xuất từ một Trục Giác Tâm Linh, nhưng lại bắt nguồn từ sự Suy Luận rề rà của Lý Trí theo những quy luật của Danh Lý (5)

### C) TRIẾT HỌC KINH VIỆN

Trong thời Trung Cổ, triết học của Plato được tiếp nối bởi St Augustine, còn Triết của Aristotle bởi St Thomas Aquinas. Điểm đặc trưng của nền triết học Kinh Viện là sự phân biệt giữa YẾU TÍNH (Essence) và TỒN HỮU (Existence), với Yếu Tính thuộc lý giới bất biến, còn Tồn Hữu thuộc trần giới biến đổi.

Theo chủ trương của Kinh Viện, ‘để một vật có thể hiện hữu thì Yếu Tính của nó phải được hiện thực bằng Tồn Hữu. Vậy mà điều đó chỉ có nơi Đệ Nhất Căn Nguyên (tương đương với Sự Thiện của Plato), cũng gọi là Thượng Đế. Theo triết Kinh Viện, chỉ Yếu Tính của Thượng Đế mới đồng nhất với Tồn Hữu. Hoặc nói cách khác, Tồn Hữu chính là Yếu Tính của Thượng Đế, vì yếu tính đó chính là Tác Động hiện hữu (actus existendi). Còn nơi các Vật Thụ Tạo, thì Tồn Hữu cũng theo Kinh Viện, phân biệt được với Yếu Tính, nên chúng KHÔNG thiết yếu hiện hữu. Do đó, nơi các vật thụ tạo, chỉ có sự hữu tham dư (esse participatum) vào Hữu Thể của Đệ Nhất Căn Nguyên mà thôi!

Theo triết gia Heidegger, đó vẫn là tiếp nối quan niệm của Plato về Trần Giới như là một Ảo Tưởng phải tìm giá trị nơi Đệ Nhất Căn Nguyên. Ngoài ra, theo quan niệm này, chỉ căn nguyên đệ nhất mới có giá trị tuyệt đối và vì Yếu Tính của Thượng Đế là Tác Động tồn hữu, không còn gì sót lại ở đọt Tiềm Thể (in potentia) hay Vô Thể, nên là một Hoạt Động Thuần Túy, một Actus Purus, một Actus Purissimus bất biến vĩnh cửu. Do đó, cũng là tiếp nối quan niệm của triết Cổ Điển về Hữu Thể như là Vật Thể (Etre en tant qu’étant), mặc dầu là Vật Thể Tối Hậu (ens summum), nhưng cũng là Vật Thể, mà hệ quả là chủ trương nêu trên đánh mất ý niệm Hữu Thể nguyên thủy được hiểu như là Tính Thể u linh, phổ biến, ẩn ẩn hiện hiện đầy biến dịch sinh hóa!(6)

### D) VÀI NHẬN XÉT

#### 1) VỀ TRIẾT HỌC

Vì như đã nói trên, Kinh Viện trong thực chất cũng chỉ là tiếp nối triết học Cổ Điển của Plato và Aristotle. Mà các Định Đề, Nguyên Lý của triết Cổ điển đã bị ‘đào thải’ trước các khám phá của Khoa

Học và Triết Học cận đại. Ngoài ra, hình như có người có vẻ đã ý thức điều này và muốn sửa đổi. Nhưng những dấu hiệu đầu tiên có vẻ không được ‘khích lệ’ lắm!

Phần trình bày trên đây cho thấy là Triết Cổ Điển cũng như Triết Kinh Viện dựa trên Tư Tưởng của ba vị sáng lập là Socrates, Plato, Aristotle. Thật ra, điểm HỒNG của triết Cổ Điển không nằm ở chỗ họ chú ý đến cơ năng Lý Trí, vì Việt Nho cũng sử dụng Lý Trí, nhưng điểm khác biệt là với Việt Nho, Lý Trí hay Ý chỉ là một trong ba cơ năng của con người gồm Ý-TÌNH-CHÍ nằm dưới sự điều động của cái TÂM bao la bát ngát như Vũ Trụ Vạn Vật.

Điểm HỒNG của triết Cổ Điển chính là tính chất DUY LÝ của triết thuyết mà hệ quả là LÝ TRÍ đã được trao cho vai trò quá to lớn đến nỗi lấn áp các cơ năng khác. Sản phẩm của Lý Trí là những Ý NIỆM về Trời, Đất, Người.....vvv.....Và những người ‘sản xuất’ đầu tiên những Ý Niệm được ghi trong lịch sử Triết Học là Socrates, Plato, còn người hệ thống hóa là Aristotle.

Thật ra, Ý Niệm phát xuất từ những giác quan như tai mắt, tức là những cơ năng hạn hẹp bé nhỏ, rồi lại được Lý Trí cũng là cơ năng lệ thuộc óc não tức vật chất nên cũng rất hạn cục, do đó có tính chất MỘT CHIỀU, chiều Lý Trí. Vậy nên, triết học của Plato có gọi là YẾU TÍNH (Essentialist) hoặc triết học của Aristotle có tên là BẢN THỂ (Substantialist), thì nội dung vẫn là Ý NIỆM hay là BIỂU TƯỢNG của SỰ VẬT với tính chất MỘT CHIỀU nên cứng đờng ngăn trở không cho Tâm Thức đạt tới NHÂN TÍNH.

Vì Nhân Tính là gì, nếu không là TƯƠNG QUAN, là Biện Chứng HAI CHIỀU giữa Thiên và Địa, Lý Trí và Tình Cảm, Ý Thức và Vô Thức.....vvv..... Đó là lý do khiến Heidegger cho rằng Triết Tây đã đánh mất Nét Gấp Đôi( Zwiefalt), tức tính chất Hai Chiều kích. Ngoài ra, vì Tương Quan phải SỐNG ĐỘNG, nên một khi Triết Tây nhìn tất cả vạn vật theo nguyên lý ĐỒNG NHẤT, tức là theo MỘT CHIỀU của Lý Trí, thì hệ quả, theo Cổ Triết Gia Kim Định, là đưa SỰ CHẾT vào lòng con người, là đuổi Thần Minh ra khỏi vũ trụ, và xô đẩy vạn vật vào một thế đứng im lìm làm toàn bằng BIỂU

TƯỢNG hay Ý NIỆM. Tóm lại, theo Cố Triết Gia, điều sai lầm căn  
đề là người ta đã làm lẫn lộn BIỂU TƯỢNG làm THẦN LINH!(7)

Trở lại ý hướng muốn sửa đổi hay ‘canh tân’ Siêu Hình học, thay vì  
‘chĩa mũi dùi’ vào triết học TƯƠNG QUAN cho hợp với sự Tiến Bộ  
của Triết Học và Khoa Học ngày nay, thì có người có vẻ chỉ bàn sơ  
qua về Tương Quan như ‘chiều lệ’. Bằng chứng là người ta trở lại  
bàn về vấn đề BẢN THỂ (Substance) như ở thời triết học Kinh Viện  
vậy! Như Bản Thể nằm ở Cát, Đồng Cát, Phân Tử, Nguyên Tử hay  
các “nguyên tố” cấu thành.....vvv..... ?

Tác giả viết:  
“Hãy nhìn một đồng cát, nó vừa là cát vừa là đồng cát.....Gốc là  
cát hay là đồng cát?.....Hấp lực chỉ đặt cát bên nhau, chứ  
chúng không nên một với nhau từ bên trong. Do đó, gốc của đồng là  
ở các hạt cát, đồng không có gốc nơi mình.  
Chính hạt cát cũng không có gốc ở nơi nó.....Vậy xem như chỉ  
có bản thể và cá thể ở phân tử thôi.  
.....Phân tử.....Hợp như thế nào? Hợp qua trung  
gian của những electron.....Phân tử thật thì ổn định hơn, bởi các  
nguyên tử trong đó có chung một số electron. Electron này tác động  
như một sợi xích nó thắt buộc các nguyên tử lại với nhau. Như thế  
phải chăng đây là một xâu tù nhân trong đó chỉ từng tù nhân mới là  
cá thể và bản thể?.....Vâng, nguyên tử và phân tử là những bản  
thể chông chéo nhau. Mỗi cái là bản thể về một mặt nào đó.....”

## 2) VỀ KHOA HỌC

Trở lại vấn đề : sở dĩ chúng tôi nghĩ là phải bàn về TƯƠNG QUAN,  
vì đó có lẽ là Đề Tài CHÍNH YẾU nhất của Triết Học và Khoa Học  
ngày nay. Thí dụ, câu tuyên bố có lẽ quan trọng vào bậc nhất về  
Thực Tại LƯỢNG TỬ (quantum reality) là :“Thực tại gồm hai mặt,  
hai phần: phần tiềm ẩn và phần thể hiện” (=Reality is two-fold,  
consisting of potentials and actualities). Câu này có lẽ đã nói lên đọt  
rót ráo nhất của Khoa Học tân tiến khi phải diễn tả bằng ngôn ngữ  
tương tự của Dịch Lý là ‘nhất âm nhất dương chi vị đạo’, có nghĩa là  
Thực Tại được dệt bằng TƯƠNG QUAN nền tảng nhất giữa phần  
Tiềm Ẩn (Potentials) và phần Thể Hiện (Actualities) hay nói cách

khác là giữa ÂM và DƯƠNG. Đông và Tây có lẽ đã gặp nhau qua câu tuyên bố thời danh nêu trên!

Ngoài ra, vào tháng Ba năm 1995, Khoa Học đã ghi nhận một sự kiện lịch sử tối quan trọng là ngành Vật Lý đã hoàn tất công tác kiểm ra được một Mẫu Hình Căn Bản (Standard Model) cho Cơ Cấu Nhỏ Nhất của vũ trụ.

Số là ngày nay khi đi vào lòng Vật Chất, người ta thấy Nhân nguyên tử làm bằng điện tử âm (electron), dương tử (proton) và trung hoà tử (neutron) KHÔNG phải là phần nhỏ nhất như người ta thường nghĩ. Thật vậy, Proton và Neutron được cấu tạo bởi nhiều hạt nhỏ nữa gọi là những hạt Lepton và Hadron. Hadron gồm những hạt Quark. Những hạt này lại không phải là những hạt thực sự mà chỉ là ‘Hạt Ảo’ vì chúng có những hành tung bất định lúc thì là Hạt, lúc là Sóng, không thể xác định một cách chính xác vị trí và tốc độ của chúng. Về vấn đề này, người ta phải sử dụng thống kê để đưa ra những ước đoán mà thôi!

Ba cặp “Hạt Ảo” hay Quark là:

- \_ Up quark (+)\_ Down quark (-)
- \_ Charm quark (+)\_ Strange quark (-)
- \_ Top quark (+)\_ Bottom quark (-)

Khi so sánh 3 cặp Quark nêu trên về phương diện các điện tích âm dương đối nhau với các hào âm dương cũng đối nhau thuộc quẻ THÁI trong Kinh Dịch thì lại có một sự TRÙNG HỢP lạ lùng, vì quẻ Thái (trùng quái) là sự kết hợp của hai quẻ đơn :

\_ CÀN (nội quái) gồm 3 gạch liền (DUYANG) tương đương với 3 quark có điện tích DƯƠNG: Up, Charm, Top

\_ KHÔN (ngoại quái) gồm 3 gạch đứt (ÂM) tương đương với 3 quark có điện tích ÂM: Down, Strange, Bottom

Một điều lạ lùng khác nữa là trong Nhân nguyên tử, các cặp ‘Hạt Ảo’ lại được sắp xếp theo một mẫu hình giống như trong quẻ KÝ TẾ của Dịch Kinh:

\_ PROTON có 2 ‘up quark’ dương (+) và 1 ‘down quark’ âm (-), 3 quark này được xếp theo cùng thứ tự của các gạch liền (dương) và gạch đứt (âm) của quẻ Li HỎA (nội quái) trong quẻ Ký Tế.

\_ NEUTRON có 1 ‘up quark’ dương (+) và 2 ‘down quark’ âm (-), 3 quark này cũng được xếp theo cùng thứ tự của quẻ Khảm THỦY(ngoại quái) của quẻ Ký Tế.(8)

Luôn tiện chúng tôi cũng xin đưa ra một vài nhận xét :

\_ Theo sự nghiên cứu của chúng tôi thì về vấn đề ‘Hạt Áo’, cho đến ngày nay, người ta đã kiểm ra có 6 (SÁU) chứ KHÔNG phải 7 (BẢY) Quark như có người đã viết !

\_ Kề đến, theo chỗ chúng tôi hiểu, PROTON là do 2 ‘up quark’ dương (+) cộng với 1 ‘down quark’ âm (-), chứ KHÔNG phải với 2 ‘down quark’ âm (-).

\_ Ngoài ra, có vài điều có lẽ cần phải bàn lại với đoạn văn sau đây:

“Riêng lực hay năng lượng thì từ bosons sinh ra. Tất cả có bốn lực: lực điện từ và lực hấp dẫn, lực hạt nhân yếu và lực hạt nhân mạnh. Nay nhiều nhà vật lý muốn quy lực hấp dẫn vào lực điện từ. Nghĩa là, ngoài lực điện từ, chỉ còn lực hạt nhân thôi , nên lực điện từ (đặt nền trên phân cực âm dương) chiếm ít là phân nửa của toàn bộ năng lượng. Lại nữa, mới đây người ta còn khám phá thấy trong chân không có những dao động điện từ. Dù chân không cũng có năng lượng điện từ, há phải chẳng điện từ là năng lượng nền của mọi năng lượng? Nếu đúng thế thì không phải có bốn lực cơ bản, mà cơ bản nhất chỉ có một thôi (như một số nhà khoa học nghĩ, họ muốn quy cả bốn lực vào một ), và lực cơ bản duy nhất này hoạt động bằng đối cực âm dương”.



Chúng tôi cũng đã có dịp nghiên cứu đôi chút về các lãnh vực nêu trên. Nhưng thú thật chúng tôi, ít nhất ở giai đoạn này, CHƯA đạt được trình độ Lạc Quan như tác giả đã bày tỏ, về việc thống nhất các LỰC lại thành một. Thật ra, đó cũng là giấc mơ của những nhà Khoa Học lớn, kể cả Albert Einstein!

Chúng ta biết là với Faraday và Maxwell, Khoa Học đã kết hợp được Điện Lực và Từ Trường thành Điện Từ học (Electro-Magnetism). Ngay Einstein lúc sinh tiền cũng muốn thống nhất Điện Từ với lực Hấp Dẫn (Gravity), nhưng vẫn chưa làm được. Sau khi Einstein mất, người ta kiếm ra thêm hai lực nữa là lực hạt nhân Yếu (Weak nuclear force) và lực hạt nhân Mạnh (Strong nuclear force). Từ đó, theo chỗ chúng tôi biết, hình như người ta đã liên hệ được “lực hạt nhân Yếu“(Weak nuclear force) với Điện Từ (Electromagnetism), chứ KHÔNG phải luật Hấp Dẫn (Gravity) với Điện Từ như có người viết, vì những lý do chúng tôi sẽ trở lại sau! Do đó, vẫn còn 3 lực phải kết hợp lại mới đạt được mục tiêu mong muốn : đó là Điện Từ (Electromagnetism), ‘lực hạt nhân Mạnh’ ( Strong nuclear force) và lực Hấp Dẫn (Gravity) !

Còn câu văn ‘Riêng lực hay năng lượng thì từ bosons sinh ra’ thì trên thực tế hình như không đơn giản như vậy! Thật vậy, ‘BOSON’ là những ‘hạt’(particule) truyền tải những ‘tác động qua lại’ (interactions) hoặc còn được xem là những phần tử cấu tạo ra phóng xạ. Chính các Tác động của những hạt Fermion ‘thực’ với những hạt Boson ‘ảo’ (thuộc nhóm ‘Gauge Boson’) làm nên cái được gọi là các

‘Tác Động Qua Lại Nền Tảng’ (Fundamental Interactions) mới tạo ra các LỰC (Force).

Thật ra, trên thực tế, sự hiện diện của các “Boson” khác nhau như Photon, “W và Z”, Gluon, nơi các ‘Trường’ (Field) được dùng như là dấu chỉ của LOẠI Trường hay Lực nào đó như chẳng hạn :

\_ Photon cho ta biết đang ở ‘trường’ Điện Từ (Electromagnetism)

\_ ‘W và Z’ Boson liên hệ với ‘Lực hạt nhân Yếu’ (Weak nuclear force)

\_ Gluons là chỉ dấu sự hiện diện của ‘Lực hạt nhân Mạnh’(Strong nuclear force)

\_ Graviton giả thiết sự có mặt của ‘Lực Hấp Dẫn’ (Gravity)  
(9)

Ngoài ra, Mô Thức Nền Tảng (Standard Model) còn mặc nhận sự hiện hữu của ‘Higgs Boson’ được xem là nguyên nhân của Khối Lượng (mass) nơi các ‘Trường’ (Field)

Thật ra, trong việc thống nhất 3 Lực còn lại, vấn đề ‘Hóc Búa’ nhất hình như nằm ở ‘LỰC HẤP DẪN’ bởi vì:

\_ thứ nhất, người ta chỉ mới giả định về sự hiện hữu của Graviton mà thôi là loại Boson mà trên nguyên tắc, là chỉ dấu của ‘Lực Hấp Dẫn’ (Gravity)

\_ kế đến, vì một mặt (mass) là yếu tố quan trọng của lực Hấp Dẫn (Gravity), và mặt khác, sự hiện hữu của “Higgs Boson” được xem là nguyên nhân của khối lượng (mass) nơi các ‘trường’ vẫn còn là một giả định, do đó cho đến hôm nay, người ta vẫn chưa nắm vững về bản chất của ‘Higgs Boson’ lẫn ‘lực Hấp Dẫn’!

Ngoài ra, trong vũ trụ, vạn vật, Âm Dương ở đâu cũng có, đâu nhất thiết là ở Điện Từ! Còn về việc thống nhất 3 Lực còn lại là : Điện Từ,

‘Hạt Nhân MẠNH’, và Hấp Dẫn, cần một số điều kiện về mặt Kỹ Thuật như vừa mới bàn sơ ở trên mà hiện nay Khoa Học chưa hội đủ. Nhưng có lẽ còn quan trọng hơn nữa là Thái Độ của các nhà Khoa Học: họ phải biết VƯỢT qua quan niệm TĨNH CHỈ, ‘Phản Mớ’ qua 25 thế kỷ của lịch sử Văn Hóa và Triết Học TÂY PHƯƠNG vẫn còn ảnh hưởng trên Tâm Trí của họ, hầu có cái nhìn Mới Mẻ ĐỘNG ĐÍCH, và Toàn Diện hơn về Sự Vật!

### III) TRIẾT LÝ CHỦ TRI

#### A) DESCARTES

Bây giờ xin trở lại với đề tài CHÍNH. Sau thời Cổ Điển với Socrates, Plato, Aristotle, và thời Kinh Viện với St Augustine và St Thomas Aquinas, là Thời Mới với Descartes được xưng tụng là ‘Ông Tổ Triết Học MỚI’ vì có công khám phá ra Chủ Thể (la découverte du Sujet), khám phá ra cái Tôi, cái Ego. Có thật như thế hay không ?

Theo Cô Triết Gia Kim Định, cái Chủ Thể do Descartes khám phá ra chỉ có cái tên, bởi thoát sinh ra nó đã trở nên cứng ngắt như Bản Thể (substance pensante) có trương độ như vật chất không còn chút gì là Siêu Thể cả!(10) Trong cùng chiều hướng, triết gia Heidegger cũng có nhận xét là ‘triết học của Descartes không thoát khỏi ảnh hưởng nặng nề triết học của Kinh Viện và của Plato-Aristotle’!

Tuy nhiên, lúc ban đầu có lẽ vì cho rằng nền tảng chân lý tuyệt đối của Kinh Viện và Plato-Aristotle đều ở NGOÀI con người, nên Descartes muốn hủy bỏ những nền tảng cũ ấy và đặt vào Con Người một nền tảng mới được gọi là ‘nền tảng bất kháng cho chân lý’.

Phương pháp luận của Descartes có thể được tóm tắt như sau:

- Trong khi đi tìm một ‘nền tảng tuyệt đối bất kháng cho chân lý’, Descartes đã thiết định CHÂN LÝ như là Sự CHÍNH XÁC (Sicherung) căn cứ trên Chủ Tri tuyệt đối được ưu thế. Đó là hình ảnh mới của con người ‘tân thời’
- Làm thế được, Descartes đã dùng tới ý niệm căn bản ‘Tôi suy tư vậy tôi hiện hữu’ (= Cogito, ergo sum).

– Và xét như ý thức, Chủ Tri ấy phải Suy Tư bằng BIỂU TƯỢNG mới thiết định HỮU THỂ của các Vật Thể được.

Heidegger có viết : “Tự mình đặt ra trước mặt mình một cái gì.rồi một khi cái đó đã được đặt ra trước mặt mình như vậy, chính mình mới quyết đáp nó CHÍNH XÁC như vậy”.

Và theo Heidegger, “như thế Descartes đã khai nguyên trực tiếp một lối Tư Tưởng bằng BIỂU TƯỢNG (=Penser par Représentation).

Tư tưởng Biểu Tượng ấy dẫn tới những hậu quả tất nhiên:

– một là “thế giới trở thành một BỨC ẢNH (Welt-bild) gồm toàn diện những SỰ VẬT như những ĐỐI TƯỢNG đối với CHỦ TRI.

– hai là Tính Thể con người chỉ còn được quan niệm như một ‘Chủ Tri’ cô đơn, không thể xác, không tình cảm, không thế giới, theo nghĩa cao độ nhất của ‘con người sinh vật suy lý’.

“Với quan niệm con người là CHỦ TRI, Descartes đã thiết lập quan niệm Siêu Hình học cho mọi nền NHÂN THỂ HỌC tương lai”.

Tuy nhiên, theo Heidegger, điều đáng tiếc là “Nhân Thể học ấy chỉ là một nhân thể học què quặt của Duy Chủ Tri thuyết”!!! (11). Do đó, Descartes đã không đạt được ý nguyện, nếu thực sự mục tiêu chính yếu của ông là đem lại cho ngành Nhân Thể học một Nền Tảng mới.

#### B) KANT

Theo Cố Triết Gia Kim Định, “Kant mới thật là người làm cuộc Cách Mạng. Kant có lý khi ví mình như Copernic, bắt Trái Đất phải xoay quanh Mặt Trời, bắt SỰ VẬT phải xoay quanh CHỦ TRI. Chủ Tri bây giờ mới thật làm CHỦ nắm quyền định đoạt và trở nên Trung Tâm quy định dạng thức của Sự Vật. Sự Vật trở nên THỤ TRI phải nép mình qua khuôn thước, qua PHẠM TRÙ của Chủ Tri.....cũng gọi là Lý Trí TIÊN THIÊN, TIÊN NGHIỆM”. (12)

Một hệ quả là khác với trước kia, theo Kant, sở dĩ ta biết được các thực tại bên ngoài, những sự kiện trong cõi hiện tượng là vì chúng phù hợp với các Phạm Trù Tiên Thiên, Tiên Nghiệm nói trên. Vậy nên, qua công việc Phê Bình Tri Thức, Kant đã nghiên cứu về các

điều kiện Tiên Thiên phải có để cho Tri Thức có thể hiện hữu, đồng thời những giới hạn về khía cạnh hiểu biết của Lý Trí con người.

Một hệ quả khác là Kant đã có công trả lại THỜI GIAN cho Chủ Tri: ông đã biết truy nhận Thời Gian trên Không Gian, như vậy là vượt qua Lý Trí (chỉ biết có Không Gian) bằng một cơ năng khác là “Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm” (Imagination Transcendentale). (13)

Tuy nhiên, theo Heidegger, dẫu rằng phân tích THỜI GIAN của Kant đã được khôi phục cho Chủ Tri, nhưng nó còn bị chi phối bởi quan niệm thời gian cổ truyền và thông thường đến nỗi, kỳ cùng”, cũng theo Heidegger, “Kant không hiểu được hiện tượng ‘thể tính tiên nghiệm của thời gian’ theo đúng cơ cấu và công năng của nó”

“Hơn nữa, trong phân tích Niệm Thức thuyết, Kant cũng đã nhìn thấy sự phối hợp giữa Thời Gian và ‘Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm’, nhưng kỳ cùng ông đã lùi bước trước vực thẳm đen tối ấy, vì cho rằng: đó là ‘trung tâm tưởng tượng’ (focus imaginarius)”.

Trong viễn tượng ấy, Kant vẫn coi THỜI GIAN là MỘT GIẢM THIỂU HỮU THỂ, vì ngăn trở Chủ Tri không thể thành Ngã Tiên Nghiệm được. Lý do sâu xa của quan niệm ấy là vì Kant vẫn coi LUẬN LÝ học là UU TIÊN Tuyệt Đối! Còn Thời Gian và Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm đều thuộc những cơ quan Hạ Đẳng.(14)

Trong cùng chiều hướng với Heidegger, Cố Triết Gia Kim Định cũng có nhận xét như sau: “ Thế nhưng Kant đã bị đè nặng bởi truyền thống cũ không dám dùng Trí Tưởng Tượng để phá vòng vây Thời Gian hầu vươn lên, nên lần tái bản quyền ‘Critique de la Raison Pure’, ông đã xóa bỏ Trí Tưởng Tượng và trở về nép mình dưới quyền uy của Chủ Tri : tự cắt đứt mọi liên hệ giữa mình với những thực tại của vũ trụ”.(15)

Còn Nietzsche thì đưa ra nhận xét rất xác đáng là Kant chỉ sản xuất nổi một thứ Triết cho các Giáo Sư, nghĩa là hoàn toàn Trường Ốc, cắt đứt liên lạc với Sinh Trường sống động.

Cuối cùng, trong quyền ‘Critique de la Raison Pure’, Kant đã hé thấy SỰ VẬT TỰ THÂN (Noumen), nhưng lại bảo là

BẤT KHẢ TRI và trở về với sự Tin Tưởng thường nghiệm!  
Tuy nhiên, Kant đã có công mở đầu để các Triết Gia lớn  
của thời Cận Đại như Schopenhauer, Nietzsche,  
Heidegger..... đi tiếp con đường nhằm khám phá xem ‘Sự  
Vật Tự Thân’ (Noumen) nêu trên là gì ?

#### IV) ‘CÚ NHẢY HỤT’ CỦA BIỆN CHỨNG PHÁP : HEGEL

Riêng Hegel tiếp tục con đường DUY NIỆM (Idealism) chủ quan từ  
Descartes trở đi.

Cố Triết Gia Kim Định có viết: “Với Hegel, Tinh Thần  
không còn quy định sự vật mà là Tạo Dựng sự vật. TẠO  
DỰNG! Như vậy con người là Tạo Hóa rồi còn gì nữa?  
Đúng thế với Hegel, con người được nâng lên hàng Tạo  
Hóa, nhưng là một Tạo Hóa VONG THÂN còn đang say  
ngủ, tuy nhiên vẫn là Tạo Hóa trong cái diễn biến đang  
hình thành. Khi cuộc diễn biến đã đạt đích thì theo Hegel,  
con người sẽ nhận ra mình với Tinh Thần TUYỆT ĐỐI là  
Một”(16)

Còn theo Heidegger, “Hữu Thể đối với Hegel là Tư Tưởng TỰ nhận  
thức chính MÌNH như sản phẩm của MÌNH.. Như vậy Hữu Thể là  
một sản phẩm của Tư Tưởng, của trí thức nhờ đó Descartes đã giải  
nghĩa ‘Idea’.

Đối với Hegel cũng vậy, nhưng một cách suy nghĩ chín  
chắn vô song và được chuẩn bị do công trình của Kant,  
Hữu Thể ĐỒNG TÍNH với Tư Tưởng”.

Đó là mức độ cùng cực của DUY NIỆM Chủ Quan!(17)

Ngoài ra, Hegel quan niệm là trước khi đạt được Tinh Thần Tuyệt  
Đối, Lịch Sử con người tiến triển do sự xung đột của hai lực đối  
nghịch nhau theo các quy tắc của Biện Chứng Pháp gồm ba giai đoạn:

Chính Đề: ý tưởng đầu tiên

Phản Đề: ý tưởng đối nghịch

Tổng Đề: kết hợp hai quan điểm đối nghịch trên.

Nhưng với Tổng Đề, một ý tưởng mới xuất hiện sẽ gặp sự chống đối hay bác bỏ, và một chu kỳ khác sẽ lặp lại và Lịch Sử cứ tiếp tục như thế cho đến khi Tổng Đề cuối cùng là TINH THẦN Tuyệt Đối xuất hiện.

Trước khi phê bình Biện Chứng Pháp (Dialectique) của Hegel, Cố Triết Gia Kim Định đã dùng một số thuật ngữ của Hegel để nói về DỊCH PHÁP, theo đó thì hai hạn từ (Termes) Chính Đề (Thèse) và Phản Đề (Anti-Thèse) trong Kinh Dịch là THIÊN và ĐỊA và Tổng Đề (Synthèse) là NHÂN. Do đó, Nhân được định nghĩa là ‘Thiên Địa chi Đức’” và cùng với Thiên Địa được gọi là TAM TÀI.

Theo Cố Triết Gia, nếu đại chúng có cái nhìn MỘT CHIỀU của cõi Hiện Tượng, thì MINH TRIẾT phải có khả năng THẬU HÓA cả HAI hạn từ trái ngược nhau. Vì theo triết lý TOÀN THỂ, thì mọi cái trái ngược chỉ là PHÂN CỰC của cùng một Thực Thể. Thực thể đó là NHÂN, còn phân cực được chỉ bằng hai chữ THIÊN-ĐỊA. Hai tiếng này chỉ là phạm trù rộng để chứa đựng muôn thứ khía cạnh khác nhau của một vấn đề được bàn tới. Cứ nói chung thì THIÊN chỉ khía cạnh Vô Hình Phổ Biến nên Âm U. Còn ĐỊA chỉ những gì được Phân Chia, có một giới Xác Định hiện ra Rõ Rệt cho giác quan. Hai chữ Thiên-Địa như vậy cũng còn nói lên mối TƯƠNG QUAN giữa HAI hạn từ Đối Kháng. Còn hai hạn từ đó là gì thì không thể nói hẳn ra mà tùy trường hợp khi bàn về phương diện nào đó. Thí dụ bàn về Tự Do, Thiên là tự do, định mệnh là Địa.. Bàn về Xã Hội thì xã hội là Thiên, công dân là Địa. Nếu lấy tiềm thức âm u là Thiên, thì Địa sẽ là ý thức rõ rệt. Tóm lại tất cả gì đối kháng đủ để lập nên Tương Quan thì đều đặt vào hai hạn từ đó, cũng như vì thế, Kinh Dịch năng thay đổi danh từ: thay vì Thiên-Địa thì có âm-dương, giá-sắc, càn-khôn, hạp-tịch, cương-nhu, u-minh....vvv.....

Nếu Lý Trí phân lìa, chia cắt, thì nét đặc trưng của Tâm Linh, Minh Triết là THẬU HÓA, GIÀN HÒA các Đối Cực. LÝ TRÍ thường được sử dụng ở cõi Hiện Tượng, (còn gọi là vòng THÀNH hay vòng

NGOÀI) đầy Mâu Thuẫn, Đối Kháng như Nước với Lửa. Nhưng dưới ánh sáng của MINH ĐỨC, thì đằng sau cõi Hiện Tượng, hiền giả còn thấy thấp thoáng thực thể Tâm Linh (còn gọi là vòng SINH hay vòng TRONG) được điều động bởi định luật NGƯỢC CHIỀU gọi là “Dịch Nghịch Số Chi Lý”, nhờ đó mở ra một chân trời bao la lạ lùng giàn hòa được cả hai hạn từ đến độ làm thành NHẤT THỂ sống động.

Nước Lửa thay vì đối kháng tiêu diệt nhau như qua hình ảnh Nước dập tắt Lửa, nhưng đó chỉ là MỘT khía cạnh của vòng NGOÀI hay vòng THÀNH. Nếu nhìn từ vòng TRONG hay vòng SINH, ta có thể thấy một chiều kích KHÁC như qua hình ảnh Lửa có thể đun Nước sôi cho con người dùng, thì thay vì đối kháng tiêu diệt nhau thì ta có một hình ảnh KHÁC về sự tương thâu, tương nhập, tương sinh tương hóa!

Đến đây, đã có người nghi ngờ là Hegel đã hiểu sai Dịch Pháp. Thật vậy, Biện Chứng Pháp (Aufheben) của Hegel thay vì đạt được TÔNG ĐỀ với ý nghĩa “bao hàm, thâm hóa”, thì dừng lại ở HỦY ĐỀ tức hủy bỏ Chính Đề hoặc Phản Đề như thí dụ trên cho thấy, vì từ ngữ “Aufheben” cũng còn có nghĩa là “hủy diệt” nữa.

Vậy nên, chối bỏ PHÂN CỰC như Hegel đã làm, khi giữa hai hạn từ Nhà Nước và Cá Nhân thì ông chủ trương HY SINH cá nhân, tức CON NGƯỜI thực sự cho NHÀ NƯỚC, mà ông bảo là tiêu biểu cho bánh xe tiến hoá, có nghĩa là đánh mất chất DỊCH, mà mất Dịch là mất tất cả, là VONG THÂN là đánh mất NHÂN TÍNH, vì Nhân Tính là gì nếu không là ‘Tương quan sống động giữa Âm và Dương’ hay nói theo Kinh Lễ là ‘Nhơn giả kỳ thiên địa chi đức’(=Người là cái Đức của Thiên Địa). Mà Cổ Triết Gia Kim Định đã giải thích là Người KHÔNG phải là BẢN THỂ cố định đứng ngoài Trời Đất, mà chính là cái ĐỨC, cái Linh Lực của Trời Đất vậy!(18)

Tóm lại, căn cứ trên nội dung của Dịch Pháp, có lẽ Hegel chỉ biết có cõi Hiện Tượng (tức vòng THÀNH hay vòng NGOÀI) mà KHÔNG hề biết đến cõi Tâm Linh (tức vòng SINH hay vòng TRONG) mà hệ quả là thay vì Giàn Hòa, Thâu Hóa, ông lại đưa Mâu Thuẫn, Đối



Kháng lên làm NGUYỄN LÝ. Có phải vì vậy mà có người gọi Hegel là ‘đứa Con Hoang của văn hóa Đông Phương’ chẳng?

Lê Việt Thường

## KINH QUA TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

### PHẦN HAI

#### V) LẬT NGƯỢC BẢNG GIÁ TRỊ : NIETZSCHE

Không giống các Triết Gia Tây Phương khác như Descartes, Kant, Hegel,,,Nietzsche có một phong cách độc đáo , một lối hành văn sống động, sôi nổi , “thách thức” đối với các thế lực đương thời, cũng như một nội dung có tính chất Cách Mạng đối với những định kiến, định chế, thói quen.....của những người cùng thời với ông. Điểm đặc sắc nhất của Nietzsche có lẽ là khi ông thực hiện việc LẬT NGƯỢC mọi Bảng Giá Trị trong các lãnh vực Triết Học, Luân Lý, Xã Hội, Tôn Giáo....

Chẳng hạn, trong Triết Học, trong khi Socrates là người sáng lập ra Triết Cổ Điển, Plato được xem là Triết Gia Thượng Thặng (le Philosophe par Excellence) của 25 thế kỷ Lịch Sử Triết Học Tây Phương, thì Nietzsche lại gọi “Socrates là người đầu tiên đã sa đọa và Plato là người chống lại người xưa (tức chống Truyền Thống trước Socrates), hoặc xem “Socrates như là một Biện Sĩ (Sophist) tiên phong, một biện sĩ “đầu sỏ” bao gồm mọi khuynh hướng nguy thuyết về sau...” hay phê bình “Plato đã đem các tập thơ mà ông ta đã sáng tác lúc còn trẻ đốt đi để trở nên môn đệ của Socrates”.(19)

Trong lãnh vực Luân Lý, Nietzsche chỉ trích người đương thời là đã thừa hưởng một nền Luân Lý của giới Nô Lệ xưa khi chỉ biết cúi đầu “vâng, dạ”, mà nội dung đi ngược lại với Sự Sống! Do đó, ông kêu gọi những người cùng thời với ông là hãy phá bỏ “xiềng xích” của nền luân lý cũ đó đi hầu có một cuộc sống lành mạnh, đầy hoạt lực hơn.

Về mặt Tôn Giáo, chúng ta thường nghe câu tuyên bố thời danh của Nietzsche trong nhiều tác phẩm của ông là “Thượng Đế đã chết”: đó đó nhiều người thường xem ông là thuộc phe Vô Thần. Trái lại có người như Kaufmann cho rằng câu trên của Nietzsche chỉ phản ánh một lối hiểu biết tinh tế hơn về Thần Linh. Còn Nietzsche thì cho rằng các phát triển gần đây trong Khoa Học tân tiến kèm với sự kiện là xã hội Âu Châu càng ngày càng “Tục hóa” đã thực sự “giết chết” vị Thượng Đế cũ của họ đã từng đem lại Ý Nghĩa và Giá Trị cho con người Tây Phương trên hơn một ngàn năm nay!

Cũng theo Nietzsche, hiện tượng “Thượng Đế đã chết” làm Đánh Mất nơi con người hôm nay mọi viễn tượng PHỔ QUÁT trên Sự Vật, cũng như mọi ý nghĩa mạch lạc về Sự Thật KHÁCH QUAN. Thay vào đó, chúng ta chỉ giữ cho mình những viễn tượng có tính chất phong phú, đa dạng và uyển chuyển hơn.

Tuy nhiên, ngoài cái nhìn có tính chất “Viễn Tượng” (Perspectivism) vừa nêu trên, hiện tượng “Thượng Đế đã chết” cũng có thể kéo theo sau chủ nghĩa HU VÔ (Nihilism), tức niềm tin là không có gì quan trọng trên cõi đời này và cuộc sống đánh mất ý nghĩa, đường hướng và mục tiêu.

Khai triển thêm con đường Suy Tư của mình, Nietzsche viết tác phẩm “Zarathustra đã nói thế” nhằm giới thiệu quan niệm về SIÊU NHÂN (Urbemensch) có vai trò TẠO DỰNG Giá Trị. Theo Lampert, hiện tượng “Thượng Đế đã chết” đã tạo nên “bức tranh vân cầu” giữa Sùng Mộ và Hư Vô. “Món quà” Siêu Nhân được Zarathustra đem cho Nhân Loại dẫn con người không ý thức được Vấn Đề quan trọng này mà Siêu Nhân là Giải Đáp!

Một yếu tố quan trọng khác của Tư Tưởng Nietzsche là Ý CHÍ QUYỀN LỰC (=Will to Power, Volonté de Puissance) đem lại một Nền Tảng nhằm tìm hiểu về động cơ cho thái độ và hành động của con người. Ý niệm này còn được áp dụng một cách rộng rãi hơn vì trong một số trường hợp, Nietzsche cho rằng Ý Chí Quyền Lực còn quan trọng hơn cả nhu cầu Thích Nghi để Sống Còn của con người.

“Ý Chí Quyền Lực” của Nietzsche còn được xem như là một câu trả lời cho “Ý Chí Sống Còn” (Will to Live) của Schopenhauer vì ông này quan niệm rằng toàn thể vũ trụ và mọi vật trong đó đều bị điều động bởi một Ý Chí nền tảng để sống còn mà hệ quả là mọi tạo vật đều có nhu cầu Sinh Sản và tránh cái Chết!

Nietzsche ngược lại, cho rằng con người cũng như các sinh vật khác thật sự ham muốn QUYỀN LỰC, chứ Sống Còn tự nó, theo Nietzsche, chỉ là một mục tiêu phụ thuộc mà thôi. Ông đưa ra nhiều thí dụ về vấn đề này, như con người và sinh vật có thể liều chết để biểu dương Quyền Lực của mình như trong các cuộc thi đấu “trí mạng” ở thời xưa hoặc tình trạng chiến tranh. (20)

Vậy nên, theo Nietzsche, Ý Chí Quyền Lực điều động, chi phối mọi người, mọi sự, mọi vật trên cõi đời này. Nhưng đối với SIÊU NHÂN thì tình trạng có hơi khác, vì Siêu Nhân cũng có nghĩa là SIÊU SỰ, mà “Siêu Sự” là trở về lấy NỘI TÂM của mình làm “Kim Chỉ Nam” hầu TẠO DỰNG một Bảng Giá Trị Mới Mẽ. Theo nghĩa đó, Siêu Nhân là vượt lên trên NGƯỜI, vượt lên Người là vượt lên trên sự phân chia đối đãi giữa THIÊN và ÁC của con người, là vượt lên trên Hành Động có mục đích của con người, là Siêu Thoát ra khỏi NGÃ và VÔ NGÃ.....” và cũng là sự TRỞ VỀ với VĨNH CỬU (Eternal Return) của Nietzsche! (21)

Cô Triết Gia Kim Định có nhận định về Nietzsche như sau:

“Việc công phá này ông đã khởi đầu với những cái nhìn sâu sắc và tế nhị, nó dành cho ông công đầu trong việc nhận thức và tìm lại nguồn Truyền Thống. Nhưng còn việc xây đắp để nối lại Truyền Thống thì ông mới thành công có ít. Bởi vì một mặt sách vở Tiên Hiền Hy Lạp lưu lại đến đời nay chỉ còn được ít câu tản mạn (fragments). Mặt khác vì ông chưa đi sâu đủ vào Hy Lạp cổ truyền mà còn dừng lại nhiều ở đảo Crète, đảo Sparte là những nơi thờ Sức Mạnh, và là xã hội có bầu khí nặng về giai cấp. Thành ra con người lý tưởng ông đề ra nghiêng về Ý Chí mù quáng về Sức Mạnh (Volonté de Puissance) và những phương pháp có tính cách sinh lý dễ hiểu trật ra Bạo Lực hơn là Tinh Thần Tâm Linh. Vì thế tuy ông giúp chúng ta hiểu rất nhiều về Âu Châu từ Socrates, nhưng còn tìm về nguồn Truyền

Thống để bắt con gà Triết Lý gáy lên một tiếng mới như ông ao ước (d'arracher à la Philosophie un nouveau chant du coq) thì chưa hoàn thành. Chuồng gà bị ông lay đã sụp đổ vùi luôn cả ông, như đền thần Moloch vùi tướng Samson vậy. Tuy thế công việc của ông có âm vang rất lớn, gây nên nhiều nhóm “Truyền Thống”!(22)

#### **VI) HIỆN TƯỢNG LUẬN SIÊU NGHIỆM : HUSSERL**

Nếu một mặt, Nietzsche phê bình cũng như có một đường lối Tư Tưởng khác với Kant, thì mặt khác, Kant cũng đã mở đầu một con đường Suy Tư mới mẻ mà Husserl, rồi sau này Heidegger tiếp tục cũng như sẽ khai triển thêm ra.

Hãy trở lại một chút với Chân Lý TRÙNG HỢP của Siêu Hình học Cổ Điển với câu tuyên bố “Chân Lý là sự Trùng Hợp giữa Sự Vật và Trí Khôn”. Có người cho rằng câu phát biểu trên có tính chất Hàm Hồ, vì người ta vẫn thắc mắc không biết câu trên có nghĩa là “Trí Khôn là mẫu mực cho Sự Vật” hay ngược lại “Sự Vật là mẫu mực cho Trí Khôn”? (23)

Nên nhớ rằng với nhóm Triết Thales chủ trương rằng bản chất Sự Vật là nước , lửa, khí, đất, rồi chuyển qua Plato đặt chân lý ở Yếu Tính (Essence) và Aristotle ở Bản Chất (Substance) của sự vật. Tất cả đều là triết lý ĐỐI VẬT, trong đó Chủ Từ (Sujet) bị Vật Đích (Objet) lấn áp nên hóa thành Đối Vật (Chosifié).

Hệ quả là từ Thales qua Plato, Aristotle, và có thể đến cả Descartes, câu phát ngôn nêu trên “Chân lý là sự trùng hợp giữa sự vật và trí khôn” có lẽ nên hiểu theo nghĩa SỰ VẬT LÀ MẪU MỰC CHO TRÍ KHÔN!

Nhưng đến Kant thì tình thế có vẻ hơi KHÁC! Lý do là “Nguyên tắc nền tảng trong triết học của Kant là tri thức con người phải căn cứ trên những điều kiện TIÊN NGHIỆM nghĩa là trước khi gặp gỡ thực tại, trí khôn con người phải suy diễn ra được những điều kiện hợp lý để bắt sự vật ngoại tại tuân theo khi con người ra tay thực nghiệm chúng”(24). Với chủ trương trên, có lẽ Kant ít nhất mong muốn rằng từ đây TRÍ KHÔN LÀ MẪU MỰC CHO SỰ VẬT!

HUSSERL có lẽ đã hé thấy điều đó. Và nhằm khai triển triệt để khuynh hướng TIÊN NGHIỆM của Kant, Husserl cho rằng mọi định nghĩa chân lý cổ điển không thể giải thích sự TRÙNG HỢP một cách hợp lý, nếu không đi kèm với Ý HƯỚNG TÍNH (Intentionality) (25)

Ý Hướng Tính là ý niệm mà Husserl đã “vay mượn” từ Brentano chủ trương rằng Ý THỨC luôn luôn có “ý hướng tính” là nét đặc trưng của các hiện tượng TÂM THẦN (Mental) nhằm phân biệt với các hiện tượng VẬT CHẤT (Physical). Vì theo Husserl, Ý Thức luôn mang ý nghĩa là “Ý THỨC VỀ”. Ý thức hướng tới đối tượng của nó bằng cách đem lại cho đối tượng một ý nghĩa. Đối tượng của Ý Thức là sự vật thế giới bên ngoài trong tương quan với Kinh Nghiệm Sống của chúng ta, mà sự Hiện Nhiên biểu lộ tính cách TIÊN THIÊN của nó : đó chính là nơi gặp gỡ giữa khả thể tính Tinh Thần và sự kiện Thực Tại.

Về tương quan giữa Ý Hướng Tính và chủ trương TRỞ VỀ VỚI CHÍNH SỰ VẬT (Return to the thing itself) của Husserl thì câu trên có ý nghĩa là trở về với Ý Thức HIỆN NHIÊN trong Kinh Nghiệm SỐNG theo phương pháp GIẢN TRỪ Hiện Tượng Luận. (Phenomenological Reduction). Giản Trừ có nghĩa là tạm “gác lại” (suspension), tạm “đặt vào trong dấu ngoặc” (brackets) các vấn đề hiện hữu trước Ý Thức Ý HƯỚNG TÍNH (Intentionality), để cấu trúc Ý Thức tự bùng phá vén mở, phá đổ bức tường biểu kiến thực tại tự nhiên (natural reality), bị bao phủ bởi những thành kiến của tri thức thường nghiệm..

Nói cách khác, theo Husserl, “quan điểm tự nhiên” (natural standpoint) thông thường dựa trên niềm tin là các sự vật hiện hữu một cách “vật chất” và đang trưng bày những đặc tính mà ta đang thấy như phát xuất từ chúng. Trái lại, “quan điểm Hiện Tượng luận” (Phenomenological standpoint) chủ trương bằng phương pháp Giản Trừ (reduction) “đặt vào trong dấu ngoặc” (brackets) các điều nói trên. Công việc kế tiếp là thử xác định các đặc tính không thay đổi về cách thức mà các sự vật được chúng ta nhận thức (hoặc theo giả định (assumption) nằm ngầm về phương pháp nhận thức vừa nêu trên).

Tóm lại, phương pháp GIẢN TRỪ qua mọi chiều kích Suy Nghiệm đã đặt Tinh Thần trước Ý Thức thuần úy (pure consciousness), Kinh Nghiệm cụ thể nên Chủ Thể ý thức được Husserl mệnh danh là Chủ Thể Siêu Nghiệm (transcendental ego) và hiện tượng luận được gọi là Hiện Tượng Luận SIÊU NGHIỆM (Transcendental Phenomenology) với phương pháp Giản Trừ Siêu Nghiệm (transcendental reduction) qua Ý Hướng Tính về sự vật nơi Chân Trời Siêu Nghiệm.

Tuy nhiên, ở đây Husserl CHỈ mới đặt vấn đề với phép phân tích theo tinh thần suy niệm hiện tượng luận qua các tác vận ý hướng tính cụ thể với chủ đích khám phá Ngã Thể Siêu Nghiệm (transcendental ego) phân biệt với Ngã Thể Tâm Lý (psychological ego).

Với Husserl, sự Thể Nghiệm Sống CHỈ đạt tới đỉnh cao của Suy Nghiệm triết học (Apex of philosophical reflection) trong tiến trình lịch sử với một Liên-Ngã-Thể-Siêu –Nghiệm (Transcendental Intersubjectivity) được hun đúc trong ý thức-thời tính-nội tâm triển khai theo “Hiện Tại Sinh Động” thường hằng (constant Living Present) (26)

Tuy nhiên, Heidegger phê bình Husserl rằng” Giản Lược Thể Tính tựu trung là một “aspectus” và “aspectus” chỉ có thể “nhìn” được bằng một thị giác nào đó, rồi chủ thể mang thị giác ấy một cách nào đó cũng phải “hiện hữu ngoài thế giới” (démodanisé). “Giản Lược Hiện Tượng Luận” càng đẩy con người Tại Thế vào một thế Vô Thời Gian, tức thành Ngã Tiên Nghiệm. Kiện tính thiết thực đã bị tước bỏ hết. Rồi với Giản Lược TIÊN NGHIỆM của Husserl về cuối đời qua chủ hướng Tha Nhân, Thế Giới Sống và Lịch Sử cũng chỉ là những “thể tính phổ biến”. Do đó, Husserl lại còn sa lầy trong DUY NHIÊN trầm trọng hơn nữa.

Tóm lại, từ hiện tượng luận Thể Tính đến hiện tượng luận Siêu Nghiệm, Husserl chỉ muốn xây dựng một hệ thống của Ngã Tiên

Nghiệm trên can bản ‘Eidos’ xét như “die Sachen selbst”. Nhưng không gì xa “sự sống kiện tính” ở đây hơn quan niệm “Eidos” ấy!  
(27)

Do đó, nhiều nhà phê bình cho rằng Hiện Tượng Luận của Husserl vẫn còn dừng lại ở NHẬN THỨC Luận hay ít ra chưa khai triển đúng mức bình diện HỮU THỂ Luận, nhất là TÍNH THỂ Luận là điều mà Heidegger sẽ làm sau này. A. de Waelhens đã nhận thức rõ điều này như sau: “Chuyển từ Husserl qua Heidegger là chuyển từ LÝ THUYẾT về Chân Lý sang HỮU THỂ học về Lý Thuyết ấy”.(28)

Cô Triết Gia Kim Định có nhận định về Husserl như sau : “Husserl đã đóng trại trong khoảng LÝ TRÍ đã được rào quanh rất kín. Thay vì đưa ra một NHÂN BẢN đâm rễ vào Sinh Lý, Cơ Thể, Xã Hội....thì ông lại quay ra kiến tạo một KHOA HỌC Luận về BẢN THỂ có chiều ghé qua “Hữu Thể học”!(29)

Và “...Vì thế Husserl đã đưa ra thuyết giao hỗ hiện tượng là không có ý thức suông mà hề có ý thức thì bao giờ cũng là ý thức về một cái gì. Như vậy, theo Husserl, “vật đích được ý thức” với ý thức không xa cách trên hai bờ nhị nguyên nữa, nhưng chủ tri với sở tri vẫn gắn bó rồi, kiểu “trí tri tại cách vật”. Nhưng làm sao được vì ý thức mới là tầng ngoài, chưa bao gồm được tiềm thức, thành ra hiện tượng lên trên màn ảnh ý thức cũng chỉ là cái vỏ, chứ làm sao có được “cùng lý”, “tận lý” của vật, vì thế làm sao nói được “ngô ý thức tiện thị vũ trụ” như khi nói về TÂM. Chỉ có Tâm mới đạt độ bao la vũ trụ, còn ý thức thì ý thức về cái chi thì biết được cái ấy. Đó có lẽ là điều Heidegger muốn nói khi nhận xét rằng Husserl đã không đặt vấn đề căn nguyên về Hữu Thể, nên chưa đạt đồng từ căn cơ có khả năng vô biên nối kết vạn vật. Heidegger đang cố gắng trả lại cho Hữu Thể tính chất uyên nguyên đó để đạt đọt “Sinh Sinh” kiểu Nho Triết”. (30)

## **VII) TRIẾT LÝ BẰNG ĐỘNG TỪ : HEIDEGGER**

### **A) ĐẠI CƯƠNG**

Nếu từ Plato, Aristotle cho đến thời kỳ Kinh Viện, Tây Phương có một nền Triết Học có thể gọi là Khách Thể, ĐỐI VẬT ( la philosophie de l’OBJET). Đến Descartes và nhất là Kant, với sự

khám phá ra Chủ Thể, Triết Học đã chuyển hướng với sự “lên ngôi” của CHỦ TRI (la philosophie du SUJET). Với HEIDEGGER, xuất hiện một giai đoạn mới mẻ và Triết Lý bằng ĐỘNG TỪ (la philosophie du VERBE) mới thực sự bắt đầu đối với Tây Phương.

Nếu về phương diện Ngữ Luật, trong một câu văn, Động Từ (verbe) đóng vai trò nối kết giữa Chủ Từ (sujet) và “bổ ngữ” (objet), thì một cách tương tự, triết lý bằng ĐỘNG TỪ phải nhấn mạnh đến khía cạnh TƯƠNG QUAN, Nối Kết, với tính chất Biến Dịch, ĐỘNG ĐÍCH kèm theo.

Chẳng hạn DASEIN (=Tại Thể) là một trong những khái niệm căn bản trong Triết Học Heidegger với “DA = đó, đây” để chỉ khía cạnh “Hiện Tượng” nơi mỗi con người được NỐI KẾT với “SEIN = hiện hữu” nói lên khía cạnh Siêu Linh thuộc Tính Thể.

Một hệ quả của quan niệm trên là “Dasein” hay “TẠI THỂ” đối lập mọi quan niệm Chủ Tri nhất là Ngã Tiên Nghiệm của Kant và Husserl. Vì ở đây, Tại Thể không phải một Ngã biệt lập, không là một vật thể như vật thể, nhưng lại có khả năng KẾT DỆT (Leistung) với mọi vật thể thành Ý Nghĩa Tiên Nghiệm cho mình.(30)

#### **B) TẠI THỂ VÀ TÀI THỂ**

Thật vậy, “nếu không có ý thức về mình trong thể TƯƠNG QUAN với vạn sự hữu, với tha nhân theo yếu tính xuất-tính-thể (ek-sistence) của con người Hữu-Tại-Thể (being-in -the-world) thì không có hiện tượng “thông giao” (communication), không có ý nghĩa, không có tư tưởng, không có triết lý”.

Lý do là “Hữu-Tại-Thể sống gắn liền với sinh môi và là một phần tử của đời sống cộng đồng, của xã hội trong lịch sử tiến hóa của loài người. Chính môi TƯƠNG QUAN giữa con người và thế giới ấy đã đặt khởi điểm cho ý thức và nhận thức của con người”.(31)

Ngoài ra, chúng ta biết là không phải Lý Trí mà chính TÌNH CẢM khiến cho con người HÀNH ĐỘNG, do đó một nền Triết Lý bằng ĐỘNG TỪ như của Heidegger không thể không chú ý đến TÌNH NGƯỜI qua các cảm trạng như Cô Đơn, Bi Đát, Ưu Tư, Cảm Cảnh..... Hơn nữa, theo Heidegger, “khai triển Xao Xuyến và quyết



tâm “Hư Vô” còn là yếu tố làm cho thế giới là thế giới BIẾN THÀNH luôn mãi trong những ý nghĩa Tính Thể “.

Tóm lại, với Heidegger, TẠI THỂ (being-in-the-world) chỉ là một cách thái hiện hữu của TẠI THỂ (Dasein). Nói khác, Tại Thể là những cách thái Tại Thể liên lạc với toàn bộ những sự vật, những dụng cụ và những con người chung quanh nó.

Ở đây, Heidegger nhắc lại sự quên lãng “Tại Thể” trong Hữu Thể học Tây Phương, nhất là qua quan niệm “Trương Độ” của Descartes. Trái lại với ông, trong khai triển Tại Thể (Dasein) mật thiết gắn liền với kiện tính thiết thực, thế giới chỉ là “Tại Thể”(being-in-the-world) trong liên hệ với cơ cấu tính thể của vật thể, gọi là “thế giới chung quanh”.

Trong thế giới ấy, Tại Thể (Dasein) hiện hữu không như một sự vật có trương độ bên cạnh một sự vật và nhiều sự vật cũng có trương độ, mà đương nhiên hiện hữu trong sự GIAO THOA với những màng lưới chi chít những “dụng cụ” (pragmata). Màng lưới ấy được thiết định trong lối HÀNH XỬ, trong sự THÂN CẬN, trong TƯỞNG QUAN Linh Động nhằm chủ đích nào đó, mỗi lúc mỗi khác (Worumwillen). Thế giới ấy thường được Heidegger gọi là “Thế giới biến thành thế giới”(Well welted = le monde se mondanise). (33)

Như đã nói ở trên, Tại Thể là một cách thức hiện hữu của Tại Thể, mà Tại Thể (being-in-the-world) tự nó gắn liền với Thời Gian và Lịch Sử. Do đó, tiếp đây, chúng tôi xin đề cập đến 2 đề mục:

— Thời Tính và Thời Gian  
— Sử Tính và Sử Ký

### C) THỜI TÍNH VÀ THỜI GIAN

Ở đây, chúng ta thử xét xem các quan niệm về Thời Gian của Triết Tây có gặp Vấn Đề gì không? Và nếu có, thì Heidegger đã đề nghị loại Giải Pháp nào ?

Một mặt, chúng ta nên nhớ Triết Học của Heidegger dựa trên ĐỘNG TỬ Căn Cơ mà hệ quả là đi kèm với các đặc tính: Biến Dịch, Động Đích, Tương Quan.....

Mặt khác, người ta cho rằng về phương diện THỜI GIAN, vấn đề bắt nguồn từ Plato đã hiểu Hữu Thể như là Ý NIỆM (Eidos) với cái HỮU Trường Tồn làm bằng cái CÓ, vậy là đánh mất phần VÔ. Như thế với Plato, Biến Dịch và Vô Thể đã bị loại ra khỏi Tư Tưởng.

Do đó, con người đánh mất ý thức về THỜI TÍNH. Vì Thời Tính là gì nếu không là sự BIẾN DỊCH Căn Để từ VÔ đến HỮU. Cái mà Kinh Dịch kêu là CỒ, tức là cái động vi tế của Thời Tính khai mở quá trình THỜI GIAN HÓA của nó. Cái ĐỘNG vi tế ấy, cái CỒ ấy cũng được gọi là “Sinh Sinh” trong câu nói “Sinh Sinh chi vị Dịch”.

Tuy Nhiên, câu nói trên thuộc bình diện Tiên Thiên. Còn ở phần Hậu Thiên, phải có DIỆT ở giữa “Sinh Sinh”. Vì thế mới có thêm câu “Thần vô phương nhi dịch vô thể”. Thật vậy, có Vô Thể mới có Dịch. Có Dịch mới có THỜI TÍNH. Thiếu Thời Tính thì mất luôn THỜI GIAN, đã mất Thời Gian thì muôn vật trở nên im lìm cô đọng.

Hai mươi lăm thế kỷ văn hóa Tây Âu mà căm thù BIẾN ĐỘNG thì chính là vì đã quên mất Thời Gian, tức cũng là 25 thế kỷ quan niệm HỮU THỂ như một Hiện Diện Thường Hằng, tức thứ hiện diện THIẾU Biến Dịch giữa HIỆN và ẨN. Vậy mà quan niệm đích thực về Hữu Thể lại bao hàm VÔ THỂ, Hiện Diện bao hàm ẨN Diện. Tức có sự Biến Dịch căn để từ ẨN tới HIỆN, từ VÔ đến HỮU. Chính sự Biến Dịch ấy làm nên Thời Tính. Đó là mối LIÊN HỆ giữa Hữu Thể và Thời Gian, và khi hiểu là HỮU Trường Tồn thì đánh mất Thời Gian. Và vì thế nay muốn có một quan niệm trung thực về HỮU THỂ, Heidegger mới viết quyển “Hữu Thể và Thời Gian”(=Sein and Zeit).

Theo Heidegger, đó mới là quan niệm chính truyền của Hy Lạp. Trước kia, Hữu Thể được quan niệm như là nguồn năng lực luôn luôn nảy sinh trai trẻ nên ví được lửa luôn trào vọt. Đó là một thứ Hữu Thể KHAI MỞ sự vật trong ẨN DẤU gọi là Phusis và được Richardson dịch là “emergent abiding power” phần nào giống như “Giá Sắc” của Việt Thời (= vừa gieo ra mà cũng lại gặt vào) nên bao hàm Thời Tính vì có KHAI LỘ mà cũng có HÀM TÀNG, nên có DỊCH. Hữu Thể Uyên Nguyên như vậy cũng chính là TÍNH, vì Tính

cũng bao hàm TIỀM THỂ và HIỆN THỂ, cả THIÊN cả MỆNH, tức chính là THỜI TÍNH Lưu Linh.(33)

Vì Thời Gian cũng gắn liền với Lịch Sử , nên ngoài vấn đề “Thời Tính và Thời Gian”, Heidegger cũng đề cập đến vấn đề “Sử Tính và Sử Ký”.

#### D) SỬ TÍNH VÀ SỬ KÝ

Đến nay thì Âu Tây đã truy nhận giá trị của Lịch Sử và Sử Học. Sự Mở Rộng không gian và thời gian, cũng như đã Gia Tốc của Lịch Sử là ba yếu tố giúp cho người Âu Tây nhận ra Thời Gian tính. Sử Ký không còn là sách giải trí như xưa nữa, nhưng trở thành cần thiết vì mang theo SỬ TÍNH. Người ta nhận ra rằng vận mạng con người không phải được điều lý theo cái hiện tại đời đời trên cõi Lý Giới bên ngoài xã hội con người, nhưng phải tìm ngay trong Bản Tính nó đã biểu lộ dần xuyên qua nếp sống của con người theo chiều hướng từ Dĩ Vãng tới Tương Lai nên phải tìm hiểu trở lại Dĩ Vãng cách trung thực để có thể quyết định về Tương Lai.

Nhưng dẫu vậy, bề tắc cũng chưa được “đả thông” vì theo Heidegger, lý do là tại cho tới nay, người ta chưa tìm hiểu thấu triệt về con người. Con người vẫn còn được định nghĩa như “con vật biết suy lý”, mà Luận Lý chỉ là một thuộc tính ở vòng ngoài, không đi vào nội tình căn cơ mà Heidegger gọi là TÍNH THỂ. Thế mà cho tới nay con người được học hỏi như là một Vật Thể (Etant) nghĩa là một hiện tượng hoàn toàn hàng ngang. Còn chính Hữu Thể (Être) đã bị quên lãng, đến nỗi cả Thượng Đế, Linh Hồn cũng bị quan niệm như Vật Thể....Mà đã KHÔNG hiểu con người Chân Thực thì làm sao nhìn ra chiều hướng TIẾN của nó. Đã KHÔNG tìm ra chiều hướng TIẾN thì làm sao hoạch định nổi SỬ MỆNH!

Heidegger đem tiếng Sử Mệnh vào SỬ là cốt đặt nổi sự kiện là TÍNH THỂ nơi con người bị quan niệm Thiếu chiều kích Siêu Việt. Sử Ký không phải là Sử Mệnh, vì sử ký chỉ lo ghi chép những biến cố đã qua rồi rạc thiếu liên hệ nền móng. Đó là quan niệm Sử đi với thời gian theo lối thường nghiệm (histoire diachronique et évènementielle) từ Socrate tới Bergson.....Nó chỉ biết có Dĩ Vãng mà thôi. Các Triết

Gia có cố gắng đưa các quan niệm mới vào Sử để bao gồm dĩ vãng, hiện tại, tương lai, nhưng chưa đủ gọi là Sử Mệnh.

Muôn có Sử Mệnh thì phải đạt quan niệm TÍNH THỂ với THỜI GIAN Nội Kết, bao gồm Hiện Tại, Dĩ Vãng, Tương Lai với sự TRỐNG RỘNG Ý Nghĩa, tức không nên dùng Lý Trí để đem ra một ý nghĩa tiên chế, rồi bắt Lịch Sử khuôn theo. Nhưng phải Siêu Vượt hẳn để đạt đến TÍNH THỂ mới là chôn Uyên Nguyên của Sử Mệnh.(34)

#### E) NỀN TẢNG CỦA TÍNH THỂ

Với quan điểm Triết Lý Nền Tảng (Fundamental Philosophy), Heidegger chủ trương “Thời Gian là Tính Thể tạo nên tiến trình Lịch Sử theo Thời Tính hóa” qua đó, Heidegger đặt Lịch Sử trên cơ sở Tính Thể (Being). Nhưng vẫn nạn được đặt ra ở đây là “Nền Tảng của Tính Thể là gì?”. Về điểm này, ta phải hiểu theo hai thời kỳ với sự biến chuyển Tư Duy của chính Heidegger.

##### 1) Thời Heidegger I

Đây là thời gian khởi đầu với tác phẩm nổi danh “Tính Thể và Thời Gian” (Being and Time) chịu ảnh hưởng Tư Tưởng từ thời Hừng Đông Triết Học Hy Lạp với Heraclitus (thiên về VÔ THỂ = Nothing) và Parmenides (thiên về Hữu Thể Nền Tảng > TÍNH THỂ = Being). Với giai đoạn này, theo Heidegger, Tính Thể với tính cách thực thể nền tảng tối thượng luôn luôn Biến Động (Becoming > Vô Thể) (theo Heraclitus). Biết rằng Biến Động là thực thể của Thời Gian, vậy nên Tính Thể là Thời Gian. Cũng như Heidegger quan niệm Thời Gian là Chân Trời của Tính Thể. Trong giai đoạn này, mọi Tư Duy nền tảng Tính Thể đều quy chiếu về TẠI THỂ (Dasein).

##### 2) Thời Heidegger II

Đây là thời gian bắt đầu từ giữa thập niên 30.....khai mở cho “Bước Ngoặt”(Khere) chuyên hướng Tư Duy với quan điểm Tính Thể TỰ THÀNH (Being as Enowing). Tự Thành là Tự xoay vần đún đẩy (sawying), luôn luôn Biến Động, Tự hóa Tự sinh (Autopoesis <=> Phusis) và như vậy, Heidegger đã trở về với quan điểm VÔ THỂ của Heraclitus, nghĩa là trở về thời đại Tiên-Siêu-Hình (pre-metaphysical) với Chân Trời Đáy Thẳm (Abyssal Horizon) của HU VÔ vọng vọng thông điệp TÍNH THỂ (Biến Động) là VÔ THỂ (Nothing) hay Vô Thể là VẤN MỆNH của Tính Thể.

Heidegger viết : “Vấn đề của tôi về VÔ THỂ là do vấn đề liên quan đến Sự Chân của TÍNH THỂ. Vô Thể KHÔNG phải là điều Phủ Định chẳng phải là Đích Tới; nói cho đúng, Vô Thể chỉ là thăm dò, thăm vấn về Tính Thể tự thân và như vậy là được đề cao hơn Tính Thể của bất cứ hữu thể nào”.

HU VÔ , theo quan điểm của Heidegger, với tính cách là Nền Tảng Đáy Thẳm, được coi là Chân Trời Hào Quang Chiếu Diệu mới cho Tư Duy về Chân Tướng của TÍNH THỂ. Vào cuối giai đoạn hai, Heidegger đã định hướng hẳn cho Tư Duy theo quan điểm TÍNH THỂ trên Nền Tảng HU VÔ, Biến Động với Tự Thành (Enowing) và Tính Thể không tách rời Lịch Sử Đời Sống sinh động của Sử Tính.

Tóm lại, quan điểm HU VÔ Hiện Đại Hóa với khả thể Động Lực Huyền Nhiệm TỰ HÓA để TỰ THÀNH (Enowing) mà vẫn duy trì được BẢN SẮC (Identity) kiên định uyên nguyên TỰ TẠI cho Bản Hữu Truyền Thống là Tư Tưởng SÁNG TẠO mà Heidegger đã cống hiến cho thời Hiện Đại chúng ta. (35)

#### **F) VÀI NHẬN ĐỊNH CỦA CỐ TRIẾT GIA KIM ĐỊNH**

Về Triết Gia Heidegger, Cố Triết Gia Kim Định có vài nhận định như sau:

##### **1) Về thái độ của Heidegger đối với SỬ KÝ**

Cố Triết Gia viết :

“Trong số những triết gia coi thường Sử Ký, cũng phải kể cả Heidegger. Ông này thoát tiên muốn chú trọng rất nhiều đến con người sống trong lịch sử đến độ cho rằng quan niệm Hữu Thể xưa hư hỏng vì đã gây bỏ thời gian, bởi vậy Heidegger cố gắng lập lại vị trí cho thời gian. Thế mà cuối cùng Sử Tính của con người quay lại làm tiêu tán mất Lịch Sử. Do đó, Heidegger đã bị tố cáo về tội hoạn con người như Dufrenne đã nhận xét ở trên. (36)

## 2) Về nhận xét tổng quát của Cố Triết Gia về Heidegger

“ Có điều cần nói ở đây là với tôi thì Heidegger đáng ghét nhất trong ba người. Đọc Nietzsche tôi nghe tâm hồn phùng phùng sôi nổi; đọc Jaspers như đứng trên đồi sứ mệnh để đặt những cái nhìn cai quát trên rừng nhân sự, đến khi đọc Heidegger, tôi có cảm tưởng như đi vào bụi gai, chui rúc trong những hang hốc âm u. Riêng tôi giận tác giả ở hai điểm:

Điểm nhất là cái lối tán tỵ của ông thật oái ăm khúc khuỷu, nó càng hóc búa hơn nữa khi đi qua những ý niệm khúc mắc kênh kiệu, cho nên có lẽ không tác giả nào khó đọc hơn ông. Đừng nói những người đọc lối tài tử, ngay đến những dân chuyên môn có bằng sắc kề kề mà nhiều người đọc vẫn không thủng. Đây là điều tiêu biểu cho tính chất “trường giả” cao độ nhất, nên với tôi là đáng ghét nhất.

Đọc những triết gia có chất nhân sinh sống động, ta thấy toàn lời nói giản dị thông thường. Có những người viết như nói chuyện kiểu Montaigne. Huống chi những bậc hướng dẫn nhân loại không hề lấy lời mà hại ý, nhưng luôn luôn qua sự “dị giản nhi đắc thiên lý” dễ dàng giản dị mà được thiên lý, mà sáng nóng tuôn trào: người nghe hay đọc khỏi vấp phải những lời kênh kiệu khúc mắc. Schopenhauer nói : “La naiveté est la sublime simplicité qui est un trait essential du vrai génie”. Cái nét đơn sơ có lúc như ngây thơ, kỳ thực là siêu tuyệt. Đó mới là nét đặc trưng của Thiên Tài.

Điểm thứ hai là đối với những thần tượng cổ điển như Plato, Aristotle, Kant.....Nếu triết học cổ điển thiếu nền tảng thì tại họ chứ còn tại ai? Cả một lưu truyền hơn hai chục thế kỷ đều giải nghĩa một lối. Nietzsche với cặp mắt cú vọ cũng không hiểu khác và thẳng thắn

hạ bệ một lượt. Vậy là dứt khoát. Đàng này, Heidegger có vẻ ngập ngừng khi bước chân ra, cực trăm ngàn nỗi, xoa ba bảy lần sau khi đã thúi vào lưng thần tượng những cú nên thân. Khiến cho người đọc hoang mang trước những mâu thuẫn đó, và cứ sự nó đã làm nảy ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi kể cả bên ta. Tuy vậy “mâu thuẫn” loại này chúng ta có thể nhắm mắt cho ông, vì ít ra “phép xã giao” bắt phải như thế. Cũng như điếm trên tuy làm ta bực dọc, nhưng đối với cơ cấu não trạng của người Âu có thể gây nhiều thế giá. Và vì thế tôi nói ghét mà không bỏ, bực mà không bội. Vì ông cũng giúp cho mình một lối xem đời kiểu kỳ lạ, nên tôi vẫn dành cho ông một ghế danh dự trong nhóm Truyền Thống.(37)

### 3) Về điếm Thành Công của Heidegger

Cố Triết Gia viết:

“ Đọc triết Tây, ta thấy các tác giả thành công về mặt đả phá nhiều hơn là xây dựng. Heidegger cũng thế, nhưng có điều đặc biệt là ông cố gắng xây dựng lại trên nền móng Nhất Nguyên tức thoát ra khỏi Đối Kháng của đôi bên : không chọn một bỏ một. Cho tới nay các tác giả chỉ biết đứng trên cùng một bình diện với đối phương, chẳng hạn ông duy tâm thì tôi duy vật, ông nói có, tôi nói không.....như vậy là còn trong đối kháng của nhị nguyên. Heidegger cố tránh điếm đó bằng cách không dừng lại trên đối với kháng. Nhưng cố đi vào bình diện mà ông gọi là Tính Thể. Đó có thể là bước thành công quan trọng để gắn Không-Thời lại một, và do đó giải quyết được cả vấn đề Sử Mệnh. Vì hễ đúc Thời-Không xong mới giải quyết xuôi vấn đề Sử Mệnh cũng như các vấn đề khác.

Lần đầu tiên có truyện như thế trong làng triết Âu-Tây: cho nên Heidegger mang một khuôn mặt đặc biệt phần nào tương đương với Einstein. Và nếu bên Khoa Học, sau Einstein, người ta không thể suy tư như trước Einstein, thì có lẽ trong làng Triết Học, sau Heidegger, người ta cũng không thể suy tư như trước Heidegger vậy! (38)

## KẾT LUẬN

Qua bài viết, chúng tôi thử lướt sơ qua Hành Trình nghiên cứu học hỏi của Cố Triết Gia Kim Định kinh qua nền Văn

Hóa và Triết Học Tây Phương. Chúng tôi đã cố gắng trình bày nội dung Tư Tưởng của một số Triết Gia mà chúng tôi nghĩ là Quan Trọng và Tiêu Biểu nhất cho nền Văn Hóa và Triết Học Tây Phương, kèm theo với các nhận định của Cổ Triết Gia Kim Định đối với từng người.

Giống như Cổ Triết Gia, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng sở dĩ Văn Hóa Tây Phương “có vấn đề “ là do căn bệnh trầm kha của họ là bệnh DUY LÝ với các hậu quả đi kèm. Duy Lý tức gán cho Lý Trí một vai trò quá lớn đến nỗi lấn áp các cơ năng khác trong con người. Một hệ quả của điều trên là các mẫu người mà Văn Hóa Tây Phương đưa ra thường có tính chất “phần mớ”, phiên diện do Lý Trí con người chủ quan “tô tạo” ra, không đáp ứng đúng Mẫu Người TOÀN DIỆN của Sơ Nguyên Tượng (Archétype Primordial). Không vẽ đúng hình ảnh Con Người UYÊN NGUYÊN ít ra trong Lý Thuyết, thì làm sao giải quyết được các vấn đề của con người. Đó là lý do THẤT BẠI của nền Văn Hóa, Triết Học Tây Phương. Đó cũng là lý do khiến triết gia Heidegger đã trở lại TỪ ĐẦU để bàn về vấn đề TÍNH THỂ mà Aristotle đã bỏ dở, nhằm cố gắng hình dung lại Mẫu Người NGUYÊN SƠ.

Có lẽ vì người Đức lập quốc trễ nên không có được mẫu người Nguyên Sơ cho riêng họ. Nietzsche phải đi ngược dòng thời gian đến tận thời Hùng Đông của văn minh Hy Lạp mới khám phá ra các người “Khổng Lồ” trước thời Socrates.

Lạc Việt may mắn hơn có mẫu người Nguyên Sơ là Quốc Tổ HÙNG VƯƠNG, và xa hơn nữa là Ông BÀN CỔ chung cho cả Bách Việt. Đó chính là những Sơ Nguyên Tượng (Archétype) của Tộc Việt.

Một hệ quả khác của tính chất DUY LÝ là bệnh NÓI NHIỀU và BÀN “Lung Tung”! Ở Tây Phương, sách vở, lý luận, dữ kiện, tin tức.....không thiếu thứ gì, không những ở các ngành chuyên môn, mà trong Triết Học cũng vậy! Bàn đủ điều, đủ chuyện, đủ đề tài! Vậy mà Heidegger lại viết: “Điều đáng cho chúng ta suy tư hơn hết là chúng ta chưa có suy tư”. Nếu chúng ta thử “hỏi vặn” ông bằng cách chỉ đồng sách vở “kênh coi” trước mắt, thì có lẽ Heidegger sẽ trả lời :



“Con người nếu có gọi là suy tư, thì cũng suy tư một cách kỳ cục”. Vậy Suy Tư như thế nào là mới đúng, thừa Triết Gia? Heidegger sẽ đưa ra lý do là con người chưa biết “Ở Đời”. Vì “ở đời” là phải ở sao cho hợp với nét Căn Bản của TIỀM THỂ. (= mais habiter serait le trait fondamental de l’Etre en conformité duquel les mortels sont), Có phải ông muốn nói ở đây là phải đúng với Mẫu Người SỐ NGUYÊN chăng?

Bây giờ nếu chúng ta thử hỏi văn hào Nguyễn Du : “Ở Đời” là gì thừa Thi Sĩ? thì Thi Bá Tiên Điền có lẽ sẽ trả lời: “Đội Trời, Đạp Đất, Ở Đời”. Mà “Ở Đời” là hiện diện khắp Vũ Trụ, chứ không ngưng đọng ở Trời hay Đất, không Duy Linh hay Duy Vật!

“Ở Đời” là “đầu đội Trời, chân đạp Đất”, là “bác hậu phối địa, cao minh phối thiên”, là trở thành Gạch Nối cho hai yếu tố Không Gian-Thời Gian thành Một, là nói Lời-Ràng-Buộc cho cả ba cơ năng Ý-Tình-Chí, là cảm nghiệm được như Lục Cửu Uyên “Tâm tôi chính là vũ trụ, vũ trụ chính là tâm tôi”, là nói ra được như Nguyễn Công Trứ: “Trong vũ trụ, đâu chẳng là phận sự”, là “Trí tri tại cách vật” khi hiểu “cách vật” theo kiểu VẬT HÓA khiến cho vật khách quan đối tượng như biến đi để cho cái ngã-quan-sát cảm nghiệm trở thành Đại- Ngã “huyền đồng” với vũ trụ như Mạnh tử nói : “Người Quân Tử trên với Trời, dưới với Đất cùng lưu linh trong nguồn sống bát ngát vô biên không phân ranh giới”(= Phù quân tử thượng hạ dữ thiên đồng lưu).

Nếu chúng ta biết là một mặt, có lẽ vì “Ở ĐỜI” (habiter) bao hàm một nội dung quá mới mẻ đối với nền văn hóa Duy Lý của Tây Âu, thành ra chữ “Ở Đời” bị hiểu sai đi hầu hết, và điều đó ngay ở cả những tay hướng đạo như JP.Sartre, G. Marcel. P. Merleau Ponty, P. Ricoeur. A. Waelhens.....hầu hết còn hiểu theo kiểu không gian: “Ở Đời” là như ở trong hộp, như thuốc ở trong bao.....

Và mặt khác, Triết Gia lớn nhất của Tây Phương Cận đại là M. Heidegger đang cố gắng “xâu” các khám phá khá phong phú nhưng lẻ tẻ (vì thiếu nhất quán) của các triết gia Tây Phương, thành một chuỗi làm bằng “Một-Thời-Gian-Ở- Một-Không-Gian-Đời” hầu đáp đúng với tiêu chuẩn “Ở Đời”

Trong khi đó, như chúng ta đã thấy ở trên, là Tiền Nhân chúng ta đã sống với nội dung “Ồ Đời” từ rất xa xưa , thì chúng ta mới ý thức được tính chất VƯỢT THỜI KHÔNG của các Giá Trị Văn Hóa của Tổ Tiên Lạc Việt. Do đó, VỀ VỚI DÂN TỘC không phải là về với những cái gì CỖ HỦ, LỖI THỜI, mà trái lại đi Cùng Chiều Hướng với những thành phần UUUUU NHẤT của Nhân Loại!

Lê Việt Thường

### **CHÚ THÍCH**

- 1) [http://www.tinparis.net/vn\\_index.html](http://www.tinparis.net/vn_index.html)
- 2) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Ca Dao, SG, VN, 1975
- 3) Kim Định, “Chữ Thời”, Thanh Bình, SG VN, 1970
- 4) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- 5) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem
- 6) Idem
- 7) Kim Định, “Dịch Kinh Linh Thê”, An Việt Houston, USA, 1989
- 8) Thái Đông A, “Luật Quân Bình và Triết Lý Đại Hòa”, ĐHVH 2006, Melbourne, Úc
- 9) <http://74.125.153.132/search?q=cache:hHkLSICTNQJ:en.wikipedia.org/wiki/Boson+boson&cd=3&hl=en&ct=clnk&gl=au>
- (10) Kim Định, “Nhân Chủ”, TNQG, Cali, USA tr.57
- (11) Lê Tôn Nghiêm, “Heidegger Trước Sự Phá Sản của Tư Tưởng Tây Phương”, Lá Bối, SG, 1969, tr.41-43
- (12) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (13) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem
- (14) Lê Tôn Nghiêm, Idem, tr.126-131
- (15) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem
- (16) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (17) Lê Tôn Nghiêm, Idem, tr.47
- (18) Kim Định, “Dịch Kinh Linh Thê”, Idem, tr.47-59
- (19) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (20) [http://74.125.153.132/search?q=cache:DcmmBRdYEqJ:en.wikipedia.org/wiki/Friedrich\\_Nietzsche+Nietzsche&cd=1&hl=en&ct=clnk&gl=au](http://74.125.153.132/search?q=cache:DcmmBRdYEqJ:en.wikipedia.org/wiki/Friedrich_Nietzsche+Nietzsche&cd=1&hl=en&ct=clnk&gl=au)

- (21) Phạm Công thiện, “Ý Thức Mới trong Văn Nghệ và Triết Học”, Đại Nam, Cali USA, 1987, tr. 601-602
- (22) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (23) Lê Tôn Nghiêm, Idem, tr. 122
- (24) Idem, tr.127
- (25) Idem, tr.132-133
- (26) Mạc Ngọc Pha, “Cách Mệnh Tâm Linh Minh Triết”, Sách Đang In
- (27) Lê Tôn Nghiêm, Idem, tr.69-70
- (28) Idem, tr. 136-137
- (29) Kim Định, “Nhân Chủ”, Idem, tr. 66
- (30) Lê Tôn Nghiêm, Idem, tr. 72
- (31) Mạc Ngọc Pha, Idem
- (32) Lê Tôn Nghiêm, Idem tr. 73-75
- (33) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem
- (34) Idem
- (35) Mạc Ngọc Pha, Idem
- (36) Kim Định, “Cơ Cấu Việt Nho”, Nguồn Sáng, 1973
- (37) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (38) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem